

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO  
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 109/2022/HC-PT

Ngày: 04/5/2022

V/v: Khiếu kiện yêu cầu hủy  
quyết định hành chính.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*

**Ông Nguyễn Văn Tào**

*Các thẩm phán:*

**Ông Phạm Việt Cường**

**Ông Lê Phước Thanh**

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà **Dương Thị Tuyết Trinh**, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng:*** Ông **Đỗ Xuân Ân**, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Hôm nay ngày 04 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 338/2021/TLPT-HC ngày 15 tháng 11 năm 2021 về việc “Khiếu kiện yêu cầu hủy quyết định hành chính”. Do bản án hành chính sơ thẩm số 27/2021/HC-ST ngày 30/9/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1460/2022/QĐXXPT-HC ngày 15 tháng 4 năm 2017, giữa các đương sự:

**\* Người khởi kiện:** Bà Nguyễn Thị Thanh V, sinh năm 1953; Địa chỉ mới: phường H, quận L, (Địa chỉ cũ: 335 T, quận L), thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

*Người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện:* Ông Nguyễn Văn N; Địa chỉ mới: 310/1+3 T, quận L, thành phố Đà Nẵng. (Địa chỉ cũ: Tổ 99 phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng). Có mặt.

**\* Người bị kiện:**

1. Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng

*Người đại diện theo uỷ quyền của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng:* Ông Trần Phước S – Phó Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng. Vắng (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng:* Ông Nguyễn Hồng A – Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

2. Ủy ban nhân dân quận L, thành phố Đà Nẵng

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận L, thành phố Đà Nẵng: *Người đại diện theo ủy quyền cho Chủ tịch UBND và UBND quận L:* Ông Nguyễn N – Phó Chủ tịch. Có mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch UBND và UBND quận L:* Ông Trần Nam H – Giám đốc Ban giải phóng mặt bằng quận L. Có mặt.

**\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng.

*Người đại diện theo uỷ quyền:* Ông Trần Phước S – Phó Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng. Vắng (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Công ty Cổ phần đầu tư Đà Nẵng – Miền Trung. Địa chỉ: Số 484-486 Đường 2/9, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

*Người đại diện theo uỷ quyền:* Ông Nguyễn Ngọc T – Phó Tổng giám đốc Công ty. Có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Tại đơn khởi kiện, đơn bổ sung, đơn trình bày của người khởi kiện; tại buổi đối thoại và tại phiên tòa sơ thẩm phía người khởi kiện trình bày:**

Nguồn gốc khu đất nông nghiệp trồng lúa tại H - P, H, quận L, thành phố Đà Nẵng có từ trước năm 1975 là của bà Huỳnh Thị N - mẹ ruột của bà Nguyễn Thị Thanh V. Năm 1985, khi kê khai trong sổ đăng ký ruộng đất theo Chỉ thị 299 của Chính phủ mẹ bà V ghi tên cho anh ruột của bà V là Nguyễn Đ với tổng diện tích là 3.593 m<sup>2</sup>. Năm 1994, ông Nguyễn Đ đã thừa kế cho bà Nguyễn Thị Thanh V với tổng diện tích 3.623 m<sup>2</sup>. Năm 2008, khu đất trên bị quy hoạch để làm dự án Cụm Công nghiệp P nhưng thực tế dự án không hoạt động. Ngày 12/4/2010, Ban giải tỏa đền bù 1 Đà Nẵng tổ chức kiểm định nhưng không có quyết định thu hồi đất và không đo đạc thực tế mà sao chép hồ sơ kỹ thuật thửa đất đo đạc qui chủ năm 2007 (không có xác nhận chứng kiến của gia đình bà V do không thông báo) với tổng diện tích là 3.036 m<sup>2</sup>. Chính đó là nguyên nhân gây ra thiếu đất.

Ngày 16/6/2011, Ban giải tỏa đền bù 1 giao cho gia đình bà V 16 quyết định thu hồi đất với tổng diện tích thu hồi là 3.094,1 m<sup>2</sup>. Khi nhận quyết định thu hồi đất bà V mới biết là thu hồi đất để làm dự án Cụm Công nghiệp P; 16 quyết định thu hồi đất ban hành nhiều năm, không đồng bộ, chồng chéo số thửa, sai tên, sai diện tích đất gây thiếu đất của gia đình bà gần 500m<sup>2</sup>. Nhiều lần bà đề nghị UBND quận L cho đo đạc và công khai cho biết các văn bản qui định về thu hồi đất, bồi thường đất để dân biết thực hiện nhưng UBND quận L không

đáp ứng. Thực tế Dự án cụm Công nghiệp không làm đến nay biến thành “Khu Đô thị P”. Ban Giải tỏa đền bù 1 thì dồn dập giao nhiều thông báo nhận tiền nhưng không giao quyết định bồi thường. Thực hiện không đúng trình tự thủ tục thu hồi đất, bồi thường và giải quyết chưa xong thì UBND quận L thực hiện cưỡng chế san lấp đất của gia đình bà V không giao quyết định cưỡng chế. Tiếp tục giao Công ty ĐT-XD Miền Trung quản lý.

Hơn 06 năm từ 12/4/2010 đến nay, bà V chưa nhận bồi thường và đã 33 lần kiến nghị và khiếu nại kèm chứng cứ gửi đến các cấp thành phố nhưng việc giải quyết của các cấp thành phố Đà Nẵng không đúng qui định pháp luật gây bức xúc cho gia đình.

Ngày 27/7/2016, Chủ tịch UBND thành phố ban hành quyết định giải quyết khiếu nại số 5021/QĐ-UBND, bà V không đồng ý vì các lý do sau:

- UBND thành phố không thực hiện đúng pháp luật quy định:

Ngày 09/3/2015, UBND thành phố Đà Nẵng ra thông báo thụ lý số 40/TB-TA, ngày 27/7/2016 UBND thành phố mới ra quyết định giải quyết khiếu nại số 5021/QĐ-UBND là vi phạm Điều 28 Luật khiếu nại qui định thời hạn giải quyết không quá 45 ngày kể từ ngày thụ lý.

Trong Quyết định 5021/QĐ-UBND ngày 27/7/2016, UBND thành phố có ghi nhiều Quyết định 6921, 5498, 6117, 1040 nhưng không thể hiện trong các loại hồ sơ văn bản mà Hội đồng Giải phóng mặt bằng quận L đã giao cho gia đình bà V từ 12/4/2010 đến 15/12/2014. Công ty cổ phần Đầu tư X không tham gia giải quyết.

UBND thành phố Đà Nẵng không kiểm tra, xác minh, không làm rõ việc thực hiện không đúng của UBND quận L và Ban GTĐB 1 Đà Nẵng về trình tự, thủ tục thu hồi đất, bồi thường, cưỡng chế. Không giải quyết dứt điểm các nội dung khiếu nại của dân khi có văn bản, công văn chỉ đạo của Trung ương, Chính phủ.

- UBND thành phố không giải quyết khiếu nại diện tích đất:

Tổng diện tích ghi trong sổ đăng ký ruộng đất là 3.593 m<sup>2</sup>. Theo giấy thỏa thuận ngày 31/10/1994 được UBND xã H xác nhận diện tích đất là 3.623m<sup>2</sup> nhưng các quyết định thu hồi đất (Quyết định số 768, 769, 770, 773, 774, 775, 776, 777/QĐ-UBND ngày 07/6/2011) tổng diện tích chỉ có 3.094,1 m<sup>2</sup> là thiếu gần 500 m<sup>2</sup>. Đây là 08 quyết định điều chỉnh thu hồi đất ban hành cùng một ngày trong tổng số 16 quyết định thu hồi mà UBND quận L giao cùng ngày 16/6/2011. UBND thành phố đã bao che cho cấp dưới không giải quyết diện tích đất thu hồi thiếu gần 500 m<sup>2</sup> đất của bà V. Bởi lẽ khi có khiếu nại nguyên tắc phải cùng với chủ đất đo đạc lại từng thửa để tìm nguyên nhân thiếu đất.

- UBND thành phố không thực hiện thủ tục bồi thường và hỗ trợ đất nông nghiệp theo quy định:

Theo quy định tại Điều 21 của Nghị định 69/2009/NĐ-CP thì đất nông

ng nghiệp của gia đình bà V được hỗ trợ từ 20-30% giá đất ở cùng vị trí, theo đó Quyết định số 36/QĐ-UBND của UBND thành phố quy định hỗ trợ 30% giá đất ở tại Điều 37. Nhưng tại buổi đối thoại ông Lương Công Tuấn- Phó Chánh Thanh tra thành phố cho rằng “*Đất thu hồi của hộ bà V theo sổ mục kê là đất hai lúa nên không có cơ sở để hỗ trợ 30% giá đất ở. Theo qui định tại quyết định 36 chỉ hỗ trợ 30% giá đất ở đối với đất vườn ao...hoặc đất nông nghiệp xen kẽ trong khu dân cư. Đất của hộ bà V là đất nông nghiệp thuần túy, không gắn liền với đất ở...nên không có cơ sở xem xét, hỗ trợ*”, ông Lương Công Tuấn đã hiểu sai về nội dung qui định tại Điều 21 của Nghị định 69/2009/NĐ-CP.

Trong quyết định số 5021/QĐ-UBND ngày 27/7/2016, ông Nguyễn Ngọc Tuấn - Phó Chủ tịch UBND thành phố lại kết luận: “*...được thực hiện theo Quyết định số 70 và 71/QĐ-UBND ngày 20/12/2007 của UBND Thành phố Đà Nẵng...tại khoản 4 Điều 15 quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Đà Nẵng...Do đó việc UBND thành phố phê duyệt giải quyết bồi thường 100% giá đất trồng cây hàng năm hạng 1 đồng bằng 35.000đ/m<sup>2</sup> cho tổng diện tích thu hồi 3094,1 m<sup>2</sup> là đúng qui định nêu trên*”.

Như vậy Quyết định 5021/QĐ-UBND ngày 27/7/2016 của UBND thành phố Đà Nẵng căn cứ Quyết định số 70/QĐ-UBND và 71/QĐ-UBND ngày 20/12/2007 để đền bù là trái pháp luật.

- Không bố trí đất ở khi thu hồi toàn bộ diện tích đất sản xuất theo quy định, không bố trí đất để chuyển đổi ngành nghề theo qui định:

Trước đây chủ dự án sử dụng đất để làm Cụm Công nghiệp P nên không có đất ở để bố trí; năm 2012 chủ dự án chuyển sang dự án khu đô thị P, thực chất chia lô bán nền trên 3.000 lô đất đã tạo lợi nhuận khổng lồ cho Công ty Cổ phần Đầu tư X thì việc bán lại cho gia đình bà V vài lô đất để làm kinh tế tại sao không được.

Vì các lý do trên đề nghị TAND thành phố hủy quyết định số 5021/QĐ-UBND ngày 27/7/2016 của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng, bồi thường đúng quy định của pháp luật khi thu hồi đất nông nghiệp.

Ngày 24/6/2020 và tại phiên tòa ngày 22/7/2020, người khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện bổ sung đơn khởi kiện yêu cầu các nội dung sau:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh V yêu cầu Tòa án hủy các quyết định thu hồi đất của UBND quận L, gồm:

- Quyết định số 1732/QĐ-UBND ngày 15/9/2008 của ủy ban nhân dân quận L về việc thu hồi đất của hộ bà Nguyễn Thị V tại tổ 54 phường H, quận L.

- Quyết định số 1733/QĐ-UB ngày 15/9/2008 của Ủy ban nhân dân quận L về việc thu hồi đất của ông Trần Hùng Cường và bà Nguyễn Thị Thanh V tại tổ 53 phường H, quận L.

- Quyết định số 1877/QĐ-UB ngày 02/10/2008 của Ủy ban nhân dân quận L về việc thu hồi đất của hộ bà Huỳnh Thị N tại tổ 46 phường H, quận L.

- Quyết định số 1878/QĐ-UB ngày 02/10/2008 của ủy ban nhân dân quận L về việc thu hồi đất của hộ bà Huỳnh Thị N tại tổ 46 phường H, quận L.

- Quyết định số 1879/QĐ-UB ngày 02/10/2008 của Ủy ban nhân dân quận L về việc thu hồi đất của hộ bà Huỳnh Thị N tại tổ 46 phường H, quận L.

- Quyết định số 2091/QĐ-UB ngày 02/10/2008 của ủy ban nhân dân quận L về việc thu hồi đất của hộ bà Huỳnh Thị N tại tổ 46 phường H, quận L.

- Quyết định số 412/QĐ-UB ngày 18/3/2011 của ủy ban nhân dân quận L về việc thu hồi đất của ông Trần Hùng Cường và bà Nguyễn Thị Thanh V tại tổ 53 phường H, quận L.

- Quyết định điều chỉnh số 631/QĐ-UB ngày 19/8/2010 của Ủy ban dân quận L về việc điều chỉnh Quyết định thu hồi đất.

- Quyết định số 768/QĐ-UB ngày 07/6/2011 của Ủy ban nhân dân L, thành phố Đà Nẵng về việc điều chỉnh Quyết định 1878;

- Quyết định số 769/QĐ-UB ngày 07/6/2011 của Ủy ban nhân dân quận L, thành phố Đà Nẵng về việc điều chỉnh Quyết định 1879;

- Quyết định số 770/QĐ-UB ngày 07/6/2011 của Ủy ban nhân dân quận L, thành phố Đà Nẵng về việc điều chỉnh Quyết định 631;

- Quyết định số 773/QĐ-UB ngày 07/6/2011 của Ủy ban nhân dân quận L, thành phố Đà Nẵng về việc điều chỉnh Quyết định 2091;

- Quyết định số 774/QĐ-UB ngày 07/6/2011 của Ủy ban nhân dân quận L, thành phố Đà Nẵng về việc điều chỉnh Quyết định 412;

- Quyết định số 775/QĐ-UB ngày 07/6/2011 của Ủy ban nhân dân quận L, thành phố Đà Nẵng về việc điều chỉnh Quyết định 1732;

- Quyết định số 776/QĐ-UB ngày 07/6/2011 của Ủy ban nhân dân quận L, thành phố Đà Nẵng về việc điều chỉnh Quyết định 1733;

- Quyết định số 777/QĐ-UB ngày 07/6/2011 của Ủy ban nhân dân quận L, thành phố Đà Nẵng về việc điều chỉnh Quyết định 1877;

2. Bà Nguyễn Thị Thanh V yêu cầu Tòa án hủy một phần các quyết định phê duyệt bồi thường liên quan đến phần đền bù của hộ bà Nguyễn Thị Thanh V trong các quyết định:

- Quyết định số 6921/QĐ-UBND ngày 11/8/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc phê duyệt giá trị đền bù đối với các hộ giải tỏa dự án Cụm công nghiệp P (đợt 11 - đợt 3 năm 2011);

- Quyết định số 8427/QĐ-UBND ngày 28/9/2011 của Chủ tịch ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc phê duyệt giải quyết hỗ trợ, đền bù, tái định cư đối với các hộ giải tỏa dự án Cụm công nghiệp P và Hồ điều tiết P, quận L.

- Quyết định số 9264/QĐ-UBND ngày 26/10/2011 của Chủ tịch ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc phê duyệt hỗ trợ, đền bù, tái định cư đối với các hộ giải tỏa 02 dự án Hồ điều tiết P, Cụm công nghiệp P, quận L.

- Quyết định số 1040/QĐ-UBND ngày 01/7/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận L về việc phê duyệt tính pháp lý về nhà, đất đối với 23 hộ giải tỏa dự án Cụm công nghiệp P và Hồ điều tiết P tại phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng.

3. Bà Nguyễn Thị Thanh V yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 1972/QĐ-UB ngày 30/11/2011 của Chủ tịch UBND quận L về việc áp dụng biện pháp cưỡng chế thu hồi đất với hộ ông Trần Hùng Cường và bà Nguyễn Thị Thanh V tại tổ 53 phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng.

4. Hủy Thông báo số 163/TB-UBND ngày 08/11/2010 về bố trí tái định cư;

5. Hủy 08 bảng tính giá trị đền bù và thông báo nhận tiền số 358; 398; 451 năm 2011 của Ban 1 Đà Nẵng.

6. Sửa đổi, bổ sung Quyết định 71;

7. Hành vi hành chính liên quan đến quyết định hành chính bị kiện và liên quan đến bồi thường.

Đồng thời đề nghị Tòa án bổ sung thêm người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận L, thành phố Đà Nẵng và Ủy ban nhân dân quận L, thành phố Đà Nẵng tham gia tố tụng; chấm dứt tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận L, thành phố Đà Nẵng và Ủy ban nhân dân quận L, thành phố Đà Nẵng trong vụ án.

***\* Phía người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng trình bày:***

1. Nội dung khiếu nại, yêu cầu bồi thường của người khiếu nại:

Bà Nguyễn Thị Thanh V khiếu nại về việc bồi thường thiệt hại về đất đã được UBND Thành phố phê duyệt tại Quyết định số 6921/QĐ-UBND ngày 11/8/2011; Quyết định số 8427/QĐ - UBND ngày 28/9/2011 và Quyết định số 9264/QĐ - UBND ngày 26 tháng 10 năm 2011. Bà Nguyễn Thị Thanh V căn cứ khoản 2 Điều 9 Nghị định số 197/2004/NĐ - CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ quy định bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất về giá 50.000 đồng/m<sup>2</sup> theo bảng giá số 5, Phụ lục 1 Quyết định số 62/2012/QĐ - UBND ngày 20/12/2021 của UBND thành phố hỗ trợ 30% giá đất ở cùng vị trí theo Khoản 2 Điều 37 Quyết định số 36/2009/QĐ-UBND ngày 24/12/2009 của UBND Thành phố.

2. Kết quả xác minh:

a) Nguồn gốc đất: Bà Nguyễn Thị Thanh V nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Đ theo Giấy thỏa thuận ghi ngày 31/10/1994 được UBND xã H (cũ) xác nhận ngày 02/11/1994, diện tích đất ghi trong giấy thỏa thuận là 3.623m<sup>2</sup>. Đăng ký theo Nghị định số 64/NĐ - CP thuộc tờ bản đồ số 13,

thửa 825, 826, 820, 821, 823, 541, 828, diện tích 3.193m<sup>2</sup>, loại đất 2 lúa, đứng tên ông Trần Hùng Cường (chồng bà V). Diện tích đo đạc thực tế là 3.094,1 m<sup>2</sup>.

b) Việc thu hồi đất và bồi thường thiệt hại về đất: Thực hiện dự án Cụm công nghiệp Phước Lý, UBND quận L đã ban hành các quyết định thu hồi đất với tổng diện tích 3.094,1m<sup>2</sup> của hộ bà Nguyễn Thị Thanh V đang sử dụng, cụ thể như sau:

- Quyết định số 1733/QĐ-UBND ngày 15/9/2008 và được sửa đổi tại Quyết định số 776/QĐ-UBND ngày 17/6/2011: Diện tích thu hồi 652,8m<sup>2</sup>.

- Quyết định số 1732/QĐ-UBND ngày 15/9/2008 và được sửa đổi bổ sung số 775/QĐ-UBND ngày 07/6/2011: Diện tích thu hồi 191,5m<sup>2</sup>.

- Quyết định số 1877/QĐ-UBND ngày 02/10/2008 và Quyết định số 777/QĐ-UBND ngày 07/6/2011: Diện tích thu hồi 362,4m<sup>2</sup>.

- Quyết định số 1878/QĐ-UBND ngày 02/10/2008 và được sửa đổi tại Quyết định số 768/QĐ-UBND ngày 07/6/2011: Diện tích thu hồi 362,5 m<sup>2</sup>.

- Quyết định số 1879/QĐ-UBND ngày 02/10/2008 và được sửa đổi tại Quyết định số 769/QĐ-UBND ngày 07/6/2011: Diện tích thu hồi 546,2m<sup>2</sup>.

- Quyết định số 2091/QĐ-UBND ngày 08/10/2008 và được sửa đổi tại Quyết định số 773/QĐ-UBND ngày 07/6/2011: Diện tích thu hồi 595m<sup>2</sup>.

- Quyết định số 421/QĐ-UBND ngày 18/3/2018 và được sửa đổi tại Quyết định số 774 / QĐ-UBND ngày 07/6/2011: Diện tích thu hồi 189,1m<sup>2</sup>.

- Quyết định số 1517/QĐ-UBND ngày 15/9/2008 và được sửa đổi tại Quyết định số 631/QĐ-UBND ngày 19/8/2010 và Quyết định số 770/QĐ-UBND ngày 07/6/2011: Diện tích thu hồi 194,6m<sup>2</sup>.

Hội đồng BTTH và GPMB dự án đã tiến hành kiểm tra (gồm 08 hồ sơ) trình UBND quận L ban hành Quyết định số 1040/QĐ-UBND ngày 01/7/2011 về việc phê duyệt tính pháp lý nhà đất đối với 23 hộ thuộc diện giải tỏa dự án Cụm Công nghiệp P và hồ sơ P tại phường H, trong đó có hộ bà Nguyễn Thị Thanh V được giải quyết như sau: Bồi thường 100% giá đất trồng cây hằng năm hạng 1 đồng bằng (đơn giá 35.000đ/m<sup>2</sup>) cho tổng diện tích đất thu hồi 3.094,1 m<sup>2</sup>.

UBND thành phố ban hành đã phê duyệt giải quyết đối với hộ bà Nguyễn Thị Thanh V, cụ thể như sau:

- Quyết định số 6921/QĐ-UBND ngày 11/8/2011: Phê duyệt giá trị đền bù về đất, vật kiến trúc; cây cối hoa màu; hỗ trợ chuyển đổi ngành nghề với tổng số tiền là 148.537.160 đồng.

- Quyết định số 8427/QĐ-UBND ngày 28/9/2011, phê duyệt giải quyết:

- + Không bố trí đất tái định cư.

- + Hỗ trợ thêm 10.000đ/m<sup>2</sup> cho diện tích 3.094,1m<sup>2</sup>, thành tiền:

30.941.000đ.

+ Hỗ trợ thu hồi diện tích đất lớn: 25.000.000 đồng.

- Quyết định số 9264 /QĐ-UBND ngày 26/10/2011, phê duyệt giải quyết:

+ Hỗ trợ cho diện tích đất thiếu và hỗ trợ khó khăn: 10.000.000 đồng.

+ Hỗ trợ cho hồ sơ 1095 + 1096 về hoa màu và hỗ trợ chuyển đổi ngành nghề thành tiền là 5.755.000đ.

Kết quả giải quyết nêu trên đã được thông báo cho hộ bà Nguyễn Thị Thanh V biết (Thông báo số 358 /TB-BGTĐB1 ngày 08/9/2011; Thông báo số 398/TB-BGTĐB1 ngày 05/10/2011; Thông báo số 451/TB-BGTĐB1 ngày 04/11/2011 ...). Tuy nhiên, hộ bà Nguyễn Thị Thanh V không thực hiện việc nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và bàn giao mặt bằng.

3. Kết quả đối thoại: Ngày 08/7/2016, lãnh đạo UBND, thành phố đã tổ chức đối thoại với hộ bà Nguyễn Thị Thanh V. Tại buổi đối thoại, lãnh đạo UBND thành phố đã kết luận: Thống nhất với báo cáo của Thanh tra thành phố về kết quả khiếu nại của bà Nguyễn Thị Thanh V.

4. Kết luận:

a) Về bồi thường thiệt hại về đất: Căn cứ Quyết định số 5498/QĐ-UBND ngày 08/7/2008 của UBND thành phố về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ thiệt hại, giải phóng mặt bằng và bổ sung tái định cư Dự án Khu bảo tàng, cơ sở sản xuất cuối cùng của đường Nguyễn Huy Tưởng (Cụm Công nghiệp P), thì việc bồi thường, hỗ trợ đối với các hộ giải tỏa dự án Cụm Công nghiệp P được thực hiện theo Quyết định số 70/2007/QĐ-UBND ngày 20/12/2007 và Quyết định số 71/2007/QĐ-UBND ngày 20/12/2007 của UBND thành phố.

Tại Khoản 4, Điều 15 Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Đà Nẵng được ban hành kèm theo Quyết định số 71/2007/QĐ-UBND quy định như sau:

*“4. Bồi thường 100% theo giá đất nông nghiệp đối với các trường sau:*

*đ) Đất nông nghiệp có đăng ký theo Nghị định số 64/CP ngày 27/9/1993, có đăng ký trong hồ sơ địa chính xác lập theo Nghị định 60/CP ngày 05/7/1994 nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, được UBND phường, xã xác nhận sử dụng đất trước ngày 15/10/1993 và được sử dụng liên tục đến khi thu hồi đất, bồi thường theo diện tích đã đăng ký”,*

Tại bảng số 9 ban hành kèm theo Quyết định số 70/2007/QĐ-UBND và Phụ lục số 1, khoản 1, Điều 1 Quyết định số 6117/QĐ-UBND ngày 29/7/2008 của UBND thành phố về việc giải quyết hỗ trợ đối với các hộ sản xuất nông nghiệp giải tỏa tại các dự án thực hiện Quyết định số 70/2007/QĐ-UBND quy định giá đất trồng cây hàng năm hạng 1 đồng bằng là 35.000đ/m<sup>2</sup>.

Hộ bà Nguyễn Thị Thanh V sử dụng đất do nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Đ theo Giấy thỏa thuận ghi ngày 31/10/1994 được



UBND xã H (cũ) xác nhận ngày 02/11/1994, diện tích đất ghi trong giấy thỏa thuận là 3.623m<sup>2</sup>. Đăng ký theo Nghị định số 64 /NĐ-CP thuộc tờ bản đồ số 13, 825, 826, 820, 821, 823, 541, 828 diện tích 3.193 m<sup>2</sup>, loại đất 2 lúa, đứng tên ông Trần Hùng Cường (chồng bà V). Diện tích đo đạc thực tế là 3.094,1m<sup>2</sup>. Do đó, UBND thành phố phê duyệt giải quyết bồi thường 100% giá đất trồng cây hàng năm hạng 1 đồng bằng 35.000đ/m<sup>2</sup> cho tổng diện tích đất thu hồi 3.094,1m<sup>2</sup> là đúng quy định nêu trên.

Căn cứ kết quả giải quyết của UBND thành phố, Hội đồng BTTH và GPMB dự án đã có nhiều lần thông báo kết quả giải quyết của UBND thành phố và có giấy mời hộ bà Nguyễn Thị Thanh V đến nhận tiền đền bù và hỗ trợ. Tuy nhiên, hộ bà Nguyễn Thị Thanh V không liên hệ với cơ quan chức năng để làm thủ tục nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và bàn giao mặt bằng.

b) Về việc bà Nguyễn Thị Thanh V yêu cầu đền bù đất nông nghiệp 50.000đồng/m<sup>2</sup> theo Quyết định số 62/2012/QĐ-UBND:

Căn cứ Phần I Phương án bồi thường, hỗ trợ thiệt hại của dự án Cụm công nghiệp P (ban hành kèm theo Quyết định số 5498/QĐ-UBND ngày 08/7/2008 của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng) thì việc bồi thường, hỗ trợ về đất được áp dụng theo Quyết định số 70/2007/QĐ-UB và Quyết định số 71/2007/QĐ-UB. Theo, đó, giá đất trồng cây hàng năm hạng 1 đồng bằng có đơn giá là 28.000đồng/m<sup>2</sup> (Bảng giá số 5, Phụ lục số 1).

UBND thành phố đã xem xét giải quyết hỗ trợ thêm 7.000m<sup>2</sup> tại Điều 1 Quyết định số 6117/QĐ-UBND thành đơn giá 35.000đ /m<sup>2</sup> là phù hợp với thực tế. Trường hợp thu hồi đất của hộ gia đình bà Nguyễn Thị Thanh V xảy ra vào năm 2008 (điều chỉnh quyết định thu hồi đất năm 2011), kiểm định năm 2010, áp giá bình thường, hỗ trợ năm 2011. Tại thời điểm này Quyết định số 62/2012/QĐ-UBND chưa ban hành. Do vậy, bà Nguyễn Thị Thanh V yêu cầu bồi thường đất nông nghiệp giá 50.000đồng /m<sup>2</sup> theo Quyết định số 62/2012/QĐ-UBND là không có cơ sở xem xét, giải quyết.

c) Việc bà Nguyễn Thị Thanh V yêu cầu hỗ trợ 30% giá đất ở cùng vị trí theo Quyết định số 36/2009 /QĐ-UBND:

- Khoản 12, Điều 2 quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Đà Nẵng ban hành kèm theo Quyết, định số 71/2007 /QĐ-UB (Dự án Cụm Công nghiệp P được áp dụng Quyết định này) thì: Đất nông nghiệp xen lẫn trong khu dân cư ổn định là đất có ít nhất 3 mặt tiếp giáp với đất ở .

- Khoản 14, Điều 2 quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Đà Nẵng ban hành kèm theo Quyết định số 36/2009/QĐ-UBND cũng quy định: Đất nông nghiệp xen lẫn trong khu dân cư ổn định là đất có ít nhất 3 mặt giáp với đất ở .

Trong khi đó, các thửa đất thu hồi của hộ bà Nguyễn Thị Thanh V không bảo đảm các điều kiện này.

Do vậy, bà Nguyễn Thị Thanh V yêu cầu hỗ trợ 30% giá đất ở cùng vị trí theo Quyết định số 36/2009 /QĐ-UBND là không có cơ sở xem xét, giải quyết.

Từ những điều trên, ngày 27/7/2016 Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng đã ban hành Quyết định số 5021 / QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị Thanh V, trong đó: "*Giữ nguyên kết quả giải quyết về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại về đất đối với hộ bà Nguyễn Thị Thanh V khi thu hồi đất của hộ bà để thực hiện Dự án Cụm Công nghiệp P tại các Quyết định số 6921/QĐ-UBND ngày 11/8/2011, Quyết định số 8427/QĐ-UBND ngày 28/9/2011 và Quyết định số 9264/QĐ-UBND ngày 26/10/2011 của UBND thành phố*"

2. Không chấp nhận khiếu nại của bà Nguyễn Thị Thanh V yêu cầu đền bù đất nông nghiệp có giá 50.000 đồng/m<sup>2</sup> theo Quyết định số 62/2012/QĐ- UBND ngày 20/12/2012 của UBND thành phố) và hỗ trợ 30% giá đất ở cùng vị trí theo Quy định số 36/2009 /QĐ-UBND ngày 24/12/2009 của UBND thành phố.

Nay, bà Nguyễn Thị Thanh V khởi kiện vụ án hành chính. Qua xem xét nội dung vụ việc, Chủ tịch UBND thành phố nhận thấy: Việc UBND thành phố giải quyết bồi thường thiệt hại do thu hồi đất đối với hộ bà Nguyễn Thị Thanh V là đúng quy định của pháp luật nên giữ nguyên quan điểm đã giải quyết tại Quyết định 5021/QĐ-UBND ngày 27/7/2016. Đề nghị tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh V.

**\* Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận L và Ủy ban nhân dân quận L, thành phố Đà Nẵng trình bày:**

1. Nguồn gốc sử dụng đất: Đăng ký theo Nghị định 64/CP thuộc bản đồ số 13, 825 +826 + 820+ 821+ 823 + 541 + 828, DT: 3193,0m<sup>2</sup> đất lúa đứng tên Trần Hùng Cường kê khai. Hồ sơ 865, 866, 891, 892, 1057 hiện trạng hộ Trần Hùng Cường (chết) và Nguyễn Thị Thanh V và hộ Huỳnh Thị N trồng lúa. Hồ sơ 1058 hiện trạng móng đá học. Hồ sơ 1095, 1096; Hồ sơ kiểm định vắng chủ, hiện trạng đất trống. Diện tích đo đạc thực tế là 3094,1m<sup>2</sup>.

2. Mức bồi thường và hỗ trợ: Bồi thường 100% giá đất trồng cây hàng năm giá 1 đồng bằng (Đơn giá 35.000đ/m<sup>2</sup>) DT: 3063,3m<sup>2</sup>. Hồ sơ 100% giá đất trồng cây hàng năm giá 1 đồng bằng (Đơn giá 35.000đ/m<sup>2</sup>) DT: 30,8m<sup>2</sup>. Bồi thường cây hoa màu theo QĐ 71/2007/QĐ-UBND.

3. Các kết quả giải quyết của UBND thành phố: Giá trị đền bù về đất, vật kiến trúc, cây cối hoa màu, hỗ trợ đối với ngành nghề, tổng số tiền là 148.537.160 đồng. Tại Quyết định số 8427/QĐ-UBND ngày 28/9/2011 của UBND thành phố:

- Không bố trí đất tái định cư.
- Hỗ trợ thêm 10.000đồng/m<sup>2</sup> cho diện tích 3094,1m<sup>2</sup>, thành tiền 30.941.000 đồng (ba mươi triệu chín trăm bốn mươi một ngàn đồng).
- Hỗ trợ thu hồi diện tích lớn 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng chẵn).

Tại Quyết định số 9264/QĐ-UBND ngày 26/10/2012 của UBND thành phố:

- Hỗ trợ cho diện tích đất thiếu và hỗ trợ khó khăn: 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

- Hỗ trợ cho hồ sơ 1095+1096 về hoa màu và hỗ trợ chuyển đổi ngành nghề theo trồng lúa, thành tiền: 5.755.000 đồng (năm triệu bảy trăm năm mươi lăm ngàn đồng). (Theo biên bản họp ngày 16/ 9/2011).

4. Theo thông báo về việc thụ lý bổ sung án số 46A/2020 /TLST-HC ngày 22/7/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng:

- Bà Nguyễn Thị Thanh V yêu cầu Tòa án hủy các quyết định thu hồi đất của UBND quận L, về vấn đề này UBND quận L căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND năm 2003, căn cứ Luật đất đai 2003, căn cứ Nghị định 181 của Chính phủ, căn cứ Quyết định 4668 /QĐ-UBND ngày 13/6/2008 của UBND thành phố về việc quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 cụm Công nghiệp P, căn cứ Quyết định 6710/QĐ-UBND ngày 19/8/2008 của UBND thành phố về việc thu hồi đất, giao đất cho Công ty cổ phần tư Đà Nẵng- Miền Trung sử dụng để xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Cụm công nghiệp P để ban hành các Quyết định nêu trên. Quan điểm của UBND quận L là đã làm đúng quy định của pháp luật.

- Bà Nguyễn Thị Thanh V yêu cầu Tòa án hủy Quyết định 1972/QĐ-UBND ngày 30/11/2011 của Chủ tịch UBND quận L về việc áp dụng biện pháp cưỡng chế thu hồi đất đối với ông Trần Hùng Cường và bà Nguyễn Thị Thanh V ở tư 53 phường H, quận L, về vấn đề này UBND quận L đã có căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND năm 2003, căn cứ Luật đất đai 2003, căn cứ Nghị định 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ, căn cứ Thông tư 14/2009/TT-BTNMT ngày 01/10/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường,

Bà Nguyễn Thị Thanh V yêu cầu hủy các quyết định thu hồi đất, Quyết định cưỡng chế về vấn đề này quan điểm của UBND quận L là đã làm đúng theo quy định của pháp luật không có ý kiến gì khác.

***\* Người đại diện theo ủy quyền của Công ty Đà Nẵng - Miền trung ông Nguyễn Ngọc Tôn có ý kiến:***

Công ty chỉ được nhà nước giao thực hiện dự án, Công ty không thực hiện việc giải tỏa đền bù, hỗ trợ bố trí tái định cư đối với trường hợp của gia đình ông N.

***Tại bản án hành chính sơ thẩm số 27/2021/HC-ST ngày 30/9/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã quyết định:***

Căn cứ các Điều 30, 32, 158, 116, 193, 204 và Điều 206 của Luật tổ tụng hành chính; Điều 43 Nghị định 197/2004/NĐ-CP ngày 03/1'2/2004 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Nghị định 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường hỗ trợ và tái định cư; Quyết

định 36/2009/QĐ-UBND ngày 24/12/2009 của UBND thành phố Đà Nẵng quy định về bồi thường, hỗ trợ và bố trí đất tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh V đối với Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng, UBND quận L, thành phố Đà Nẵng và Chủ tịch UBND quận L về việc “Khiếu kiện yêu cầu hủy quyết định hành chính”

1.1. Hủy các Quyết định thu hồi đất của UBND quận L, thành phố Đà Nẵng, cụ thể:

- Quyết định 1732/QĐ-UBND ngày 15/9/2008 của UBND quận L về việc thu hồi đất của hộ bà Nguyễn Thị V tại tổ 54, phường H, quận L.

- Quyết định 1733/QĐ-UBND ngày 15/9/2008 của UBND quận L về việc thu hồi đất của hộ ông Trần Hùng Cường và bà Nguyễn Thị Thanh V tại tổ 53 phường H.

- Quyết định 1877/QĐ-UBND ngày 02/10/2008 của UBND quận L về việc thu hồi đất của hộ bà Huỳnh Thị N tại tổ 46 phường H, quận L.

- Quyết định 1878/QĐ-UBND ngày 02/10/2008 của UBND quận L về việc thu hồi đất của hộ bà Huỳnh Thị N tại tổ 46 phường H, quận Liên Chiểu.

- Quyết định 1879/QĐ-UBND ngày 02/10/2008 của UBND quận L về việc thu hồi đất của hộ bà Huỳnh Thị N tại tổ 46 phường H, quận Liên Chiểu.

- Quyết định 2091/QĐ-UBND ngày 02/10/2008 của UBND quận L về việc thu hồi đất của hộ bà Huỳnh Thị N tại tổ 46 phường H, quận Liên Chiểu.

- Quyết định 412/QĐ-UBND ngày 18/3/2011 của UBND quận L về việc thu hồi đất của hộ ông Trần Hùng Cường và bà Nguyễn Thị Thanh V tại tổ 53, phường H, quận L.

- Quyết định 631/QĐ-UBND ngày 19/8/2010 của UBND quận L về việc điều chỉnh Quyết định thu hồi đất.

- Quyết định 768/QĐ-UBND ngày 07/6/2011 của UBND quận L về việc điều chỉnh Quyết định 1878.

- Quyết định 769/QĐ-UBND ngày 07/6/2011 của UBND quận Liên Chiểu về việc điều chỉnh Quyết định 1879.

- Quyết định 770/QĐ-UBND ngày 07/6/2011 của UBND quận L về việc điều chỉnh Quyết định 631.

- Quyết định 773/QĐ-UBND ngày 07/6/2011 của UBND quận L về việc điều chỉnh Quyết định 2091.

- Quyết định 774/QĐ-UBND ngày 07/6/2011 của UBND quận L về việc

điều chỉnh Quyết định 412

- Quyết định 775/QĐ-UBND ngày 07/6/2011 của UBND quận L về việc Điều chỉnh Quyết định 1732.

- Quyết định 776/QĐ-UBND ngày 07/6/2011 của UBND quận L về việc điều chỉnh Quyết định 1733.

Quyết định 777/QĐ-UBND ngày 07/6/2011 của UBND quận L về việc điều chỉnh Quyết định 1877.

1.2. Hủy một phần quyết định phê duyệt tính pháp lý và một phần các quyết định phê duyệt bồi thường liên quan đến tính pháp lý và phần đền bù đất của hộ bà Nguyễn Thị Thanh V trong các quyết định:

- Quyết định số 6921/QĐ-UBND ngày 11/8/2011 của Chủ tịch ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc phê duyệt giá trị đền bù đối với các hộ giải tỏa dự án Cụm công nghiệp P (đợt 11 - đợt 3 năm 2011);

- Quyết định số 8427/QĐ-UBND ngày 28/9/2011 của Chủ tịch ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc phê duyệt giải quyết hỗ trợ, đền bù, tái định cư đối với các hộ giải tỏa dự án Cụm công nghiệp P và Hồ điều tiết P, quận L.

- Quyết định số 9264/QĐ-UBND ngày 26/10/2011 của Chủ tịch ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc phê duyệt hỗ trợ, đền bù, tái định cư đối với các hộ giải tỏa 02 dự án Hồ điều tiết P, Cụm công nghiệp P, quận L.

- Quyết định số 1040/QĐ-UBND ngày 01/7/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận L về việc phê duyệt tính pháp lý về nhà, đất đối với 23 hộ giải tỏa dự án Cụm công nghiệp P và Hồ điều tiết P tại phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng.

1.3. Hủy Quyết định số 1972/QĐ-UB ngày 30/11/2011 của Chủ tịch UBND quận L về việc áp dụng biện pháp cưỡng chế thu hồi đất với hộ ông Trần Hùng Cường và bà Nguyễn Thị Thanh V tại tổ 53 phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng.

1.4. Hủy phần Quyết định giải quyết khiếu nại số 5021/QĐ-UBND ngày 27/7/2016 của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị Thanh V, trú tại tổ 250, H, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng đối với nội dung: “Không chấp nhận khiếu nại của bà V yêu cầu hỗ trợ 30% giá đất ở cùng vị trí theo Quyết định số 36/2009/QĐ-UBND ngày 24/12/2009 của UBND thành phố”.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí, thông báo quyền kháng cáo theo luật định.

\* Ngày 13/10/2021, UBND quận L, Chủ tịch UBND quận L kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm tuyên hủy 18 quyết định thu hồi đất của UBND quận L, đề nghị tòa phúc thẩm bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh V.

\* Ngày 15/10/2021, ông Nguyễn Văn N, người đại diện ủy quyền của người khởi kiện có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa phúc thẩm xem xét các nội dung sau:

1. Sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ một số nội dung tại phần trình bày của người khởi kiện tại bản án sơ thẩm cho phù hợp với đơn khởi kiện bổ sung ngày 24/6/2020 và các đơn trình bày, kết quả phiên họp và đối thoại;

2. Sửa đổi bổ sung phần nhận định của bản án sơ thẩm cho phù hợp với diễn biến quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm;

3. Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa sơ thẩm không có văn bản trả lời các đơn yêu cầu, các đơn đề nghị của người khởi kiện;

4. Hội đồng xét xử sơ thẩm không thụ lý, giải quyết các yêu cầu của người khởi kiện về hủy các văn bản trái pháp luật; cụ thể: 03 Thông báo đền bù số 358, 398, 451 năm 2011; toàn bộ Bảng tính giá trị đền bù năm 2010 và 2011; Thông báo số 16 ngày 08/11/2010 của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng và hành vi hành chính của cán bộ, công chức không thực hiện đúng nhiệm vụ công vụ về thu hồi đất, bồi thường, giải quyết là trái quy định pháp luật.

\* Ngày 18/10/2021, Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, với lý do không đồng ý với kết quả giải quyết vụ án của tòa sơ thẩm.

Tại phiên tòa:

- Các đương sự đều giữ nguyên nội dung yêu cầu kháng cáo;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án:

+ Về việc chấp hành pháp luật: Thẩm phán, Chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng hành chính.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng của bà Nguyễn Thị Thanh V, UBND quận L, Chủ tịch UBND quận L và Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng; Xét thấy:

[1]. Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thanh V:

[1.1]. Về yêu cầu sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ một số nội dung tại phần trình bày của người khởi kiện tại bản án sơ thẩm cho phù hợp với đơn khởi kiện bổ sung ngày 24/6/2020 và các đơn trình bày, kết quả phiên họp và đối thoại; nhận thấy:

Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, ngoài đơn khởi kiện ban đầu bà V còn có đơn khởi kiện bổ sung và có nhiều đơn trình bày, đơn yêu cầu và các nội dung trình bày trong các buổi họp công khai chứng cứ và hòa giải. Tòa án cấp sơ thẩm đã tổng hợp, tóm tắt nội dung yêu cầu khởi kiện của bà V và đã nêu đầy đủ các yêu cầu khởi kiện, nên không có căn cứ và cũng không cần thiết phải sửa đổi, bổ sung nội dung trình bày theo yêu cầu của bà V nêu trong đơn kháng cáo.

[1.2]. Về nội dung yêu cầu sửa đổi, bổ sung phần nhận định của bản án sơ thẩm cho phù hợp với diễn biến quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, nhận thấy:

Phần nhận định trong bản án sơ thẩm là do Hội đồng xét xử sơ thẩm đánh giá tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa để đưa ra quyết định của bản án. Hiện nay bản án sơ thẩm bị kháng cáo, hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét nội dung yêu cầu kháng cáo của các đương sự cũng như những nội dung khác có liên quan đến kháng cáo và tính đúng đắn của bản án sơ thẩm để quyết định bằng bản án phúc thẩm, nên yêu cầu của bà V về sửa đổi, bổ sung phần nhận định của bản án sơ thẩm cho phù hợp với diễn biến quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm là không phù hợp quy định của pháp luật tố tụng hành chính, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận.

[1.3]. Về nội dung kháng cáo Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa sơ thẩm không có văn bản trả lời các đơn yêu cầu, các đơn đề nghị của người khởi kiện, nhận thấy:

Đây là hành vi trong tố tụng hành chính của người tiến hành tố tụng được quy định tại khoản 1 Điều 327 Luật tố tụng hành chính 2015; trường hợp có khiếu nại thì được giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 332 Luật tố tụng hành chính 2015 (khoản 1 Điều 332 quy định: “ Khiếu nại quyết định, hành vi của người tiến hành tố tụng là Thẩm phán, Phó Chánh án, Thẩm tra viên, Thư ký Tòa án, Hội thẩm nhân dân do Chánh án Tòa án đang giải quyết vụ án hành chính có thẩm quyền giải quyết...”. Do đó nội dung kháng cáo này của bà V không thuộc thẩm quyền của Hội đồng xét xử phúc thẩm, nên không xét.

[1.4]. Về nội dung kháng cáo cho rằng Hội đồng xét xử sơ thẩm không thụ lý, giải quyết các yêu cầu của người khởi kiện về hủy các văn bản trái pháp luật; cụ thể: 03 Thông báo đền bù số 358, 398, 451 năm 2011; toàn bộ Bảng tính giá trị đền bù năm 2010 và 2011; Thông báo số 16 ngày 08/11/2010 của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng và hành vi hành chính của cán bộ, công chức không thực hiện đúng nhiệm vụ công vụ về thu hồi đất, bồi thường, giải quyết là trái quy định pháp luật, nhận thấy:

Nội dung yêu cầu này của bà V đã được Hội đồng xét xử sơ thẩm nêu trong phần trình bày của người khởi kiện tại Mục 3 (trang 5, 6 của bản án sơ thẩm); đồng thời hội đồng xét xử sơ thẩm cũng đã nhận xét, đánh giá và không chấp nhận tại Mục [1.4] phần “Nhận định của Tòa án”, tại trang 14, 15 của bản án sơ thẩm. Nên bà V cho rằng Hội đồng xét xử sơ thẩm không thụ lý, giải quyết các

yêu cầu này là không có căn cứ.

[2]. Xét kháng cáo của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng, UBND quận L và Chủ tịch UBND quận L, nhận thấy:

[2.1]. Về nguồn gốc, diện tích đất của bà Nguyễn Thị Thanh V bị thu hồi và tính hợp pháp của các Quyết định thu hồi đất:

- Nguồn gốc đất là do Bà Nguyễn Thị Thanh V nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Đ (anh ruột bà V) theo Giấy thỏa thuận chuyển quyền sử dụng đất lập ngày 03/11/1994, được UBND xã H (cũ) xác nhận ngày 02/12/1994, với diện tích chuyển nhượng là 3.623m<sup>2</sup>.

- Diện tích đất này vào năm 1985 ông Nguyễn Đ đã kê khai theo Chỉ thị 299/TTg gồm 07 thửa: thửa 254 diện tích 436m<sup>2</sup>, thửa 255 diện tích 349m<sup>2</sup>, thửa 199 diện tích 610m<sup>2</sup>, thửa 197 diện tích 593m<sup>2</sup>, thửa số 198 diện tích 680m<sup>2</sup>, thửa 257 diện tích 545m<sup>2</sup> và thửa 286 diện tích 410m<sup>2</sup>. Tổng diện tích kê khai theo Chỉ thị 299/TTg là 3.623m<sup>2</sup>.

- Năm 1996, ông Trần Hùng Cường (chồng bà Nguyễn Thị Thanh V) kê khai theo Nghị định 64/CP gồm các thửa: thửa 541 diện tích 540m<sup>2</sup>, thửa 820 diện tích 600m<sup>2</sup>, thửa 821 diện tích 689m<sup>2</sup>, thửa 823 diện tích 622m<sup>2</sup>, thửa 825 diện tích 376m<sup>2</sup>, thửa 826 diện tích 404m<sup>2</sup> và thửa 828 diện tích 338m<sup>2</sup>. Tổng diện tích kê khai theo Nghị định 64/CP là 3.569m<sup>2</sup>.

Toàn bộ số liệu về diện tích đất nói trên của bà Nguyễn Thị Thanh V là do người sử dụng đất tự kê khai và chưa được cấp GCNQSD đất, nên chưa được đo đạc kiểm tra; do đó không có căn cứ xác định số liệu về diện tích đất trên là chính xác.

- Diện tích đất thu hồi của hộ bà V theo 16 quyết định thu hồi đất, quyết định sửa đổi bổ sung thu hồi đất của UBND quận L là 3.094,1m<sup>2</sup>; chênh lệch giảm so với kê khai theo Chỉ thị 299/TTg là 528,9m<sup>2</sup>; chênh lệch giảm so với kê khai Nghị định 64/CP là 474,9m<sup>2</sup>. Xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì việc thu hồi đất của hộ bà V thực hiện không đúng trình tự, thủ tục; không có biên bản kê khai xác nhận của hộ bị thu hồi đất; khi đo đạc không có sự chứng kiến của người sử dụng đất, có một số hồ sơ kiểm định không có xác nhận của người sử dụng đất là không đúng quy định tại Điều 30 nghị định số 181/2004/NĐ-CP về Thi hành luật Đất đai năm 2003. Tuy nhiên xét thấy khi Trung tâm đo đạc bản đồ thực hiện việc đo đạc cũng có sự chứng kiến của chính quyền địa phương. Mặt khác Dự án hiện nay đã hoàn thành, hiện trạng đã thay đổi, nên việc hủy các quyết định thu hồi đất để đo đạc, kiểm tra lại diện tích đất là không thể thực hiện được.

Từ viện dẫn và phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không cần thiết phải hủy 16 quyết định thu hồi đất, quyết định sửa đổi bổ sung thu hồi đất của UBND quận L đối với bà Nguyễn Thị Thanh V.

[2.2]. Về Quyết định số 1040/QĐ-UBND ngày 01/7/2011 của Chủ tịch UBND quận L về phê duyệt tính pháp lý về nhà, đất đối với 23 hộ dân thuộc



diện giải tỏa dự án Cụm công nghiệp P và Hồ điều tiết P tại phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng; xét thấy:

- Tại khoản 4 Điều 39 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư có quy định: “4. *Đối với những dự án, hạng mục đã phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư hoặc đang thực hiện chi trả bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo phương án đã được phê duyệt trước khi Nghị định này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo phương án đã phê duyệt, không áp dụng hoặc điều chỉnh theo quy định Nghị định này. Trường hợp thực hiện bồi thường chậm thì giá đất để thực hiện bồi thường, hỗ trợ thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP.*”.

Căn cứ Nghị định số 69/2009/NĐ-CP, UBND thành phố cũng đã ban hành Quyết định số 36/2009/QĐ-UBND ngày 24/12/2009 ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Đà Nẵng (thay thế Quyết định số 71/2007/QĐ-UB), trong đó tại Điều 62 cũng có quy định: “*Các dự án đang thực hiện dở dang trước ngày Quyết định này có hiệu lực (đã có Quyết định thu hồi đất và phê duyệt phương án giải phóng mặt bằng, đã có Quyết định phê duyệt giá trị bồi thường của UBND thành phố, đã chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ - kể cả một phần) thì tiếp tục thực hiện theo Quyết định đã phê duyệt của UBND thành phố.*”.

- Để triển khai, thực hiện Dự án Cụm công nghiệp P, UBND thành phố Đà Nẵng đã ban hành Quyết định số 5498/QĐ-UBND ngày 08/7/2008 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ thiệt hại, giải phóng mặt bằng và bố trí tái định cư dự án, trong đó việc bồi thường, hỗ trợ đối với các hộ thuộc diện giải tỏa dự án được thực hiện theo Quyết định 70/2007/QĐ-UBND và Quyết định số 71/2007/QĐ-UBND.

Như vậy, theo các quy định nêu trên thì dự án Cụm công nghiệp P là dự án dở dang thuộc trường hợp được tiếp tục triển khai công tác bồi thường theo phương án đã phê duyệt tại Quyết định số 5498/QĐ-UBND (trong đó việc bồi thường, hỗ trợ đối với các hộ thuộc diện giải tỏa dự án được thực hiện theo Quyết định số 70/2007/QĐ-UBND và Quyết định số 71/2007/QĐ-UBND). Do đó, việc Chủ tịch UBND quận L ban hành Quyết định số 1040/QĐ-UBND căn cứ vào Quyết định 70/2007/QĐ-UBND và Quyết định 71/2007/QĐ-UBND của UBND thành phố Đà Nẵng là đúng quy định.

[2.3]. Đối với Quyết định số 6921/QĐ-UBND ngày 11/8/2011 của Chủ tịch ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc phê duyệt giá trị đền bù đối với các hộ giải tỏa dự án Cụm công nghiệp P (đợt 11 - đợt 3 năm 2011); Quyết định số 8427/QĐ-UBND ngày 28/9/2011 của Chủ tịch ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc phê duyệt giải quyết hỗ trợ, đền bù, tái định cư đối với các hộ giải tỏa dự án Cụm công nghiệp P và Hồ điều tiết P, quận L; Quyết định số 9264/QĐ-UBND ngày 26/10/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc phê duyệt hỗ trợ, đền bù, tái định cư đối với các hộ giải tỏa 02 dự

án Hồ điều tiết P, Cụm công nghiệp P, quận L, xét thấy:

- Thời điểm Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng ban hành các Quyết định số 6921/QĐ-UB ngày 11/8/2011, Quyết định số 8427/QĐ-UB ngày 28/9/2011 và Quyết định số 9264/QĐ-UB ngày 26/10/2011, thì Nghị định số 69/2009/NĐ-CP và Quyết định số 36/2009/QĐ-UBND đang có hiệu lực. Tuy nhiên, như đã nêu ở trên thì dự án Cụm công nghiệp P là dự án dở dang quy định tại khoản 4 Điều 39 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP và Điều 62 của Quyết định số 36/2009/QĐ-UBND có quy định *“Các dự án đang thực hiện dở dang trước ngày Quyết định này có hiệu lực (đã có Quyết định thu hồi đất và phê duyệt phương án giải phóng mặt bằng, đã có Quyết định phê duyệt giá trị bồi thường của UBND thành phố, đã chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ - kể cả một phần) thì tiếp tục thực hiện theo Quyết định đã phê duyệt của UBND thành phố”* nên dự án Cụm công nghiệp P thuộc trường hợp được tiếp tục triển khai công tác bồi thường theo phương án đã phê duyệt tại Quyết định số 5498/QĐ-UBND (trong đó việc bồi thường, hỗ trợ đối với các hộ thuộc diện giải toả dự án được thực hiện theo Quyết định số 70/2007/QĐ-UBND và Quyết định số 71/2007/QĐ-UBND).

- Theo quy định tại Điều 15 của Quyết định số 71/2007/QĐ-UBND: *“Đất nông nghiệp xen lẫn đất ở, được cơ quan có thẩm quyền giao sử dụng lâu dài theo đúng quy định của pháp luật thì người bị thu hồi được bồi thường bằng việc giao đất mới cùng mục đích sử dụng. Nếu không có đất để bồi thường thì bồi thường bằng tiền tính theo giá đất cùng mục đích sử dụng.*

*Đất nông nghiệp xen lẫn trong khu dân cư ổn định (không nằm trong thửa đất ở), ngoài việc được bồi thường theo giá đất cùng mục đích sử dụng còn được hỗ trợ 20% theo giá đất ở tại vị trí thửa đất đó. Diện tích hỗ trợ không quá 05 lần hạn mức giao đất ở, diện tích còn lại bồi thường theo đất nông nghiệp”.*

- Tại khoản 12 Điều 2 của Quyết định số 71/2007/QĐ-UBND quy định: *“Đất nông nghiệp xen lẫn trong khu dân cư ổn định là đất có ít nhất 3 mặt tiếp giáp với đất ở (không nằm trong thửa đất ở)”.*

Theo hồ sơ kiểm định thì 08 thửa đất thu hồi của hộ bà Nguyễn Thị Thanh V là đất nông nghiệp, tuy nằm trong địa giới hành chính là phường P, quận L, nhưng không thuộc trường hợp quy định tại khoản 12 Điều 2 của Quyết định số 71/2007/QĐ-UBND quy định: *“Đất nông nghiệp xen lẫn trong khu dân cư ổn định là đất có ít nhất 3 mặt tiếp giáp với đất ở (không nằm trong thửa đất ở)”.*

Như vậy, việc UBND thành phố áp dụng quy định về bồi thường, hỗ trợ theo Quyết định số 71/2007/QĐ-UBND đối với hộ bà Nguyễn Thị Thanh V mà không áp dụng theo Quyết định số 36/2009/QĐ-UBND và Nghị định số 69/2009/NĐ-CP (trong đó có việc hỗ trợ 30% giá đất ở cùng vị trí đối với đất nông nghiệp trong khu dân cư) là hoàn toàn đúng quy định.

[2.4]. Về Quyết định giải quyết khiếu nại số 5021/QĐ-UBND ngày 27/7/2016 của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng, về giải quyết đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị Thanh V, xét thấy:

Như phân tích tại Mục [2.3] nêu trên thì Quyết định giải quyết khiếu nại số 5021/QĐ-UBND ngày 27/7/2016 của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị Thanh V đối với nội dung: “Không chấp nhận khiếu nại của bà V yêu cầu hỗ trợ 30% giá đất ở cùng vị trí theo Quyết định số 36/2009/QĐ-UBND ngày 24/12/2009 của UBND thành phố” là có căn cứ.

[2.5.] Về Quyết định số 1972/QĐ-UBND ngày 30/11/2011 của Chủ tịch UBND quận L về áp dụng biện pháp cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông Trần Hùng Cường (chết) - bà Nguyễn Thị Thanh V (người được uỷ quyền bà Huỳnh Thị N); xét thấy:

Các thửa đất thu hồi của hộ bà Nguyễn Thị Thanh V nêu trên và toàn bộ diện tích đất thuộc diện giải toả dự án Cụm Công nghiệp P nay là Khu đô thị P đã được bàn giao, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty Cổ phần Đầu tư X; đến nay dự án đã hoàn thành và đưa vào khai thác, không còn hiện trạng tại thời điểm thu hồi đất, nên án sơ thẩm tuyên hủy Quyết định số 1972/QĐ-UBND ngày 30/11/2011 của Chủ tịch UBND quận L về áp dụng biện pháp cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông Trần Hùng Cường (chết) - bà Nguyễn Thị Thanh V (người được uỷ quyền bà Huỳnh Thị N) là không cần thiết.

[2.6]. Tại phiên tòa phúc thẩm, Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng xét thấy diện tích đất thu hồi của hộ bà V trên 3.000m<sup>2</sup>, nên thống nhất vận dụng hỗ trợ đất nông nghiệp xen lẫn khu dân cư và bố trí 01 lô đất tái định cư cho hộ bà Nguyễn Thị Thanh V; cụ thể:

- Thống nhất hỗ trợ cho hộ bà V 72.000.000 đồng (tương đương 30% giá đất ở cho diện tích 1.000m<sup>2</sup> (đơn giá đất ở tại vị trí thu hồi đất của hộ bà V theo Quyết định số 70/2007/QĐ-UBND ngày 20/12/2007 của UBND thành phố Đà Nẵng là 240.000 đồng/m<sup>2</sup> x 1.000m<sup>2</sup> x 30%) thay cho mức hỗ trợ 48.000.000 đồng tại buổi đối thoại ngày 28/5/2021.

- Bố trí 01 lô đất tái định cư hộ phụ cho hộ bà V theo mặt bằng giá đất tại Quyết định số 70/2007/QĐ-UBND ngày 20/12/2007 của UBND thành phố Đà Nẵng (thời điểm giải tỏa năm 2008) thuộc khu tái định cư P 6 (mức giá 468.000 đồng/m<sup>2</sup>; hệ số lô đất hộ phụ: 2, diện tích 90m<sup>2</sup>).

Số tiền sử dụng đất dự kiến phải nộp: (468.000 đồng/m<sup>2</sup> x 90m<sup>2</sup>) x 2 = 84.240.000 đồng.

So sánh với trường hợp UBND thành phố giải quyết theo diện cho mua cùng vị trí lô đất theo chủ trương trên áp dụng bảng giá đất hiện nay của thành phố thì số tiền sử dụng đất phải nộp là: 6.750.000đ x 1,2 x 1,3 x 90m<sup>2</sup> = 947.700.000 đồng (gấp hơn 11 lần so với số tiền 84.240.000 đồng nêu trên).

Xét thấy sự tự nguyện trên của UBND thành phố Đà Nẵng là không trái quy định pháp luật nên ghi nhận.

Từ phân tích, đánh giá chứng cứ tại các Mục [2.1] đến Mục [2.6] nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy có căn cứ để chấp nhận đơn kháng cáo của UBND quận L, Chủ tịch UBND quận L, Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng; sửa án sơ thẩm. Đồng thời ghi nhận sự tự nguyện của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng tại Mục [2.6] nêu trên.

[3] Về án phí hành chính sơ thẩm:

- UBND quận L, Chủ tịch UBND quận L, Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

- Bà Nguyễn Thị Thanh V phải chịu 200.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm. Đã nộp đủ tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000904 ngày 07/9/2016 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

[4]. Về án phí phúc thẩm:

- Bà Nguyễn Thị Thanh V phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

- UBND quận L, Chủ tịch UBND quận L, Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính; không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thanh V.

2. Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính; chấp nhận kháng cáo của UBND quận L, Chủ tịch UBND quận L, Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng; sửa án sơ thẩm.

Áp dụng Nghị định 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Nghị định 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường hỗ trợ và tái định cư; Quyết định 70/2007/QĐ-UBND ngày 20/12/2007 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc ban hành Quy định giá các loại đất trên địa bàn thành phố Đà Nẵng; Quyết định 71/2007/QĐ-UBND ngày 20/12/2007 của UBND thành phố Đà Nẵng quy định về bồi thường, hỗ trợ và bố trí đất tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Đà Nẵng; Quyết định 36/2009/QĐ-UBND ngày 24/12/2009 của UBND thành phố Đà Nẵng quy định về bồi thường, hỗ trợ và bố trí đất tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Đà Nẵng; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh V.

3. Ghi nhận sự tự nguyện của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng, về:

- Hỗ trợ cho hộ bà Nguyễn Thị Thanh V 72.000.000 đồng (tương đương 30% giá đất ở cho diện tích  $1.000\text{m}^2$  (đơn giá đất ở tại vị trí thu hồi đất của hộ bà V theo Quyết định số 70/2007/QĐ-UBND ngày 20/12/2007 của UBND thành phố Đà Nẵng là  $240.000\text{ đồng}/\text{m}^2 \times 1.000\text{m}^2 \times 30\%$ );

- Bố trí 01 lô đất tái định cư hộ phụ cho hộ bà Nguyễn Thị Thanh V theo mặt bằng giá đất tại Quyết định số 70/2007/QĐ-UBND ngày 20/12/2007 của UBND thành phố Đà Nẵng (thời điểm giải tỏa năm 2008) thuộc khu tái định cư P 6 (mức giá  $468.000\text{ đồng}/\text{m}^2$ ; hệ số lô đất hộ phụ: 2, diện tích  $90\text{m}^2$ ). Số tiền sử dụng đất dự kiến phải nộp:  $(468.000\text{ đồng}/\text{m}^2 \times 90\text{m}^2) \times 2 = 84.240.000\text{ đồng}$ .

4. Về án phí hành chính sơ thẩm:

- UBND quận L, Chủ tịch UBND quận L, Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

- Bà Nguyễn Thị Thanh V phải chịu 200.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm. Đã nộp đủ tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000904 ngày 07/9/2016 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

5. Về án phí phúc thẩm:

- Bà Nguyễn Thị Thanh V phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm. Đã nộp đủ tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004776 ngày 29/10/2021 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng (do ông Nguyễn Văn N nộp).

- UBND quận L, Chủ tịch UBND quận L, Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Hoàn trả UBND quận L 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004775 ngày 29/10/2021; Chủ tịch UBND quận L 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004777 ngày 29/10/2021 và Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004773 ngày 26/10/2021 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND Tối cao;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Cục THADS thành phố Đà Nẵng;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Phòng HCTP; HS; LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Văn Tào**